

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đức Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2019/TLST- DS ngày 02/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-DS ngày 08/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 1022/2019/QĐST-DS ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: LH, phường L, quận Đ, TP. H.

Địa chỉ liên hệ: H N, phường N, Quận T, TP. HM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng Phòng thu hồi nợ pháp lý kiểm quản lý pháp chế (theo văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: đường N, phường Q, TP. B, tỉnh Đ(theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2019).

- **Bi đơn**: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: KP. B, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt; ông B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019, bản tự khai của ông Nguyễn Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:***

Vào ngày 27/02/2014, ông Huỳnh Văn B có ký hợp đồng tín dụng số 20140226-101046-0003 với Ngân hàng TMCP V vay số tiền 29,400,000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Huỳnh Văn B có trách nhiệm thanh toán số tiền 54,034,000 đồng (gồm cả gốc là 29,400,000 đồng và lãi là 24,634,000 đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng. 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1,502,000 đồng; tháng cuối cùng trả 1,464,000 đồng. Thanh toán vào ngày 03 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 03/04/2014.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 10 lần với tổng số tiền đã trả là 13,240,000 đồng (trong đó gốc là 6,861,273 đồng và lãi là 6,378,727 đồng). Kể từ ngày 31/07/2015 ông Huỳnh Văn B không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn B thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc: **22,538,727 đồng.**

- Trả toàn bộ khoản nợ lãi: **18,255,273 đồng.**

Tổng số tiền Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn B phải thanh toán là: **40,794,000 đồng.**

**** Bị đơn là ông Huỳnh Văn B đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.***

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Huỳnh Văn B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền **40,794,000 đồng** (trong đó nợ gốc là **22,538,727 đồng**, nợ lãi là **18,255,273 đồng**) theo cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết; Về án phí DSST: Buộc ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 1.019.850đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004703 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Huỳnh Văn B phải thanh toán trả số tiền tổng số tiền **40,794,000 đồng** (trong đó nợ gốc là **22,538,727 đồng**, nợ lãi là **18,255,273 đồng**) do vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20140226-101046-0003 ngày 23/02/2014. Đây là quan hệ tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Bị đơn là ông Huỳnh Văn B có địa chỉ và hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Huỳnh Văn B đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng ông B đều vắng mặt không lý do; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và ông V theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Theo thỏa thuận và cam kết tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140226-101046-0003 được ký kết ngày 27/02/2014 giữa Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Huỳnh Văn B thì Ngân hàng có cho ông B vay số tiền 29,400,000 đồng với lãi suất là 3.75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân. Ông Huỳnh Văn B có trách nhiệm thanh toán số tiền 54,034,000 đồng (gồm tiền vay gốc là 29,400,000 đồng và tiền lãi là 24,634,000 đồng), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng (cụ thể thì 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1,502,000 đồng; tháng cuối cùng trả 1,464,000 đồng). Thanh toán vào ngày 03 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 03/04/2014. Thực hiện hợp đồng nói trên thì Ngân hàng đã giải ngân và ông B đã nhận đủ số tiền vay (29,400,000đ) đồng thời ông B đã thanh toán cho Ngân hàng được 10 lần với tổng số tiền đã trả là 13,240,000 đồng (trong đó gốc là 6,861,273 đồng và lãi là 6,378,727 đồng). Kể từ ngày 31/07/2015, ông Huỳnh Văn B không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Do đó, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn B phải thanh toán tổng số tiền **40,794,000 đồng** (trong đó nợ gốc là **22,538,727 đồng**,

nợ lãi là **18,255,273 đồng**) theo cam kết, thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn đệ bị đơn được biết tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án làm việc cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn ông Huỳnh Văn B đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy vào ngày 27/02/2014, Ngân hàng TMCP V có cho ông Huỳnh Văn B vay số tiền 29,400,000 đồng với lãi suất là 3.75 %/tháng để tiêu dùng cá nhân theo thỏa thuận và cam kết tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140226-101046-0003 là có thật. Việc cam kết, thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140226-101046-0003 ngày 27/02/2014 của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do ông Huỳnh Văn B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, cam kết tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140226-101046-0003 ngày 27/02/2014. Cụ thể: Quá trình thực hiện hợp đồng vay trên ông B mới thanh toán cho Ngân hàng được 10 lần với tổng số tiền đã trả là 13,240,000 đồng (trong đó gốc là 6,861,273 đồng và lãi là 6,378,727 đồng). Kể từ ngày 31/07/2015 cho tới nay thì ông B không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

[3.3] Từ những nhận định trên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa và áp dụng các Điều 471, 474 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc ông Huỳnh Văn B phải thanh toán tổng số tiền **40,794,000 đồng** (trong đó nợ gốc là **22,538,727 đồng**, nợ lãi là **18,255,273 đồng**). Đối với tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 31/7/2015 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng không yêu cầu ông B phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị đơn là ông Huỳnh Văn B phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 40,794,000đ x 5% = 2.040.000đ.

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V số tiền 1.019.850đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004703 ngày 17/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[5] Lời phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 429, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Huỳnh Văn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền **40,794,000 đồng** (Bốn mươi triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng); trong đó nợ gốc là **22,538,727 đồng**, nợ lãi là **18,255,273 đồng**.

Về án phí DSST: Ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.040.000 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 1.019.850đ (Một triệu, không trăm mười chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004703 ngày 17/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đức Thị Minh Thu